TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2024
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh N, sinh năm 1985; thường trú: Số 38/8C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Quang H, sinh năm 1980; thường trú: Số 38/8C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N và ông Trần Quang H sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã "nay là thành phố" D, tỉnh Bình Dương theo giấy đăng ký kết hôn số 67/KH/2013, quyển số 01, ngày 09/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cải nhau. Vợ chồng đã sống ly thân 04 năm nay, sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Trần Quang H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 25/6/2015 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 18/10/2016. Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Trần Quang H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/con/tháng (tương đương 6.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Quá trình tố tụng bà N có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con như sau: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Quang H:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu ông Trần Quang H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà Huỳnh N nhưng ông H không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/9/2024 nhưng ông H vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Huỳnh N thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Trần Quang H có địa chỉ tại Số 38/8C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N và ông Trần Quang H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã "nay là thành phố" D, tỉnh Bình Dương theo theo giấy đăng ký kết hôn số 67/KH/2013, quyển số 01, ngày 09/5/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Huỳnh N xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ 04 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quang H. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập ông Trần Quang H đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông Trần Quang H và bà Huỳnh N đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc ông Trần Quang H bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Huỳnh N cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Huỳnh N và ông Trần Quang H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Huỳnh N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 25/6/2015 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh

ngày 18/10/2016. Bà Huỳnh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, ông Trần Quang H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và hiện nay con chung vẫn do bà Huỳnh N nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của bà Huỳnh N là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh N không yêu cầu ông Trần Quang H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N được ly hôn với ông Trần Quang H (Giấy đăng ký kết hôn số 67/KH/2013, quyển số 01, ngày 09/5/2013 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã "nay là thành phố" D, tỉnh Bình Dương cấp).

Về con chung: Buộc ông Trần Quang H giao 02 người con chung tên Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 25/6/2015 và Trần Huỳnh Bảo N, sinh ngày 18/10/2016 cho bà Huỳnh N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà

Huỳnh N không yêu cầu ông Trần Quang H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Huỳnh N và ông Trần Quang H có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Trần Quang H lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Huỳnh N nuôi con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001025 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Huỳnh N đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Đông Hiệp, TP.Dĩ An Tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng